

TRİ TÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME HÀ NỘI

MỤC LỤC

- * Tòy-búng Ngân-Giang - Văn-Đài - Mộng-Son -
Đổng-Chi - Giản-Chi
- * Hát dưới trăng thu Hoa-Bằng
- * Những cơn giông về tết tháng tám Nguyễn-văn-Tổ
- * Tâm hồn thi nhân với mảnh trăng thu Phạm-mạnh-Phan
- * Dịch thơ tây Cách-Chi
- * Tháng-tám nói chuyện ông Nghè Tiền-Đàm
- * Đinh-nhật-Thận (1815 - 1866)
với khúc « Thu dạ lữ hoài » (1) Nhật-Nham
- * Một vài ý-kiến về đồ chơi trẻ em
trong dịp tết Trung-thu Trịnh-Vân
- * Mồng tám tháng tám, ngày chúa Nguyễn
Phước-Anh khắc phục Saigon lần thứ tư (hết) Lê-thọ-Xuân

0 \$ 60

ĐẶC SAN VE

Chu (1944)

(TẬP THỨ HAI)

TUÝ HÚNG

Mấy nét đơn sơ

Đêm qua mộng chấp không thành,
Thần-thơ ra đứng một mình dưới trăng
(Sao mai rụng, văng giông Ngân),
Cổ viên hoa nở, dùm phần hương bay...
Chiều nay gió nổi lạnh sao !
Hình như Thu đã lên vào trong lời.
Đừng rơi, đừng rơi, là rơi ! ! !
Có ai góc biển bên trời nhớ nhau.

Kể từ Lưu Nguyễn về trần,
Lối đào thăm-thăm mấy lối suối hoa !
Tay tiên dễ lạnh thôi ngà,
Có con chim thước qua nhà không kêu !
Nhớ người giữ lửa thôn La :
Dáng xuân uyển chuyển, nét hoa diu
dàng.

Tham-lam Phạm-Lãi, khéo chàng !
Nền không, nhất định là : « Nàng của
tôi. »

Thơ ra, Thu đã đến rồi,
Thảo nào mưa gió lại bồi mấy hôm !
Xa-xôi ai đấy, có buồn ?
Thôn Dương ngành liễu vũ - văng...
tương-tư !

(Dương thu Giáp-thân)

NGÂN GIANG

Thu - ý

Một cánh hoa bay, hồn liễu ủa,
Trăm năm mặn ngọt đắng cay thừa.
Lộc cần thể sự, sầu bao mối,
Máu lạnh nhận tình, lệ đã khô.
Sự nghiệp, chắc gì non nước gởi,
Thời-gian trôi mãi phần hương mờ.
Bờ trắng nửa gối sầu thu từ,
Giống ngọc hồn hoa lạnh nết mơ.

VÂN-ĐÀI

Sớm thu

Ngay lối. Non ngàn lĩnh giấc mơ,
Bàn riêng : chim gầy khúc say xưa.
Vườn mây tươi đóa cười giông lặn,
Hương núi bay cánh gọi gió đưa ;
Đầm ảm sương mai hoa đợi nắng,
Miền-man suối mộng nước dâng bờ.
Đôi uyển chấp cánh tung làn biếc,
Vẽ trăng phương giới một nét thơ.

VÔNG-SƠN

Chiều thu

Gió thu lướt nhẹ trên hồ
Rung rinh đợt sóng thướt tha ánh hồng
Mây vàng lơ lửng trên không
Bờ cây lá rụng bay-trong nắng chiều
Lưng trời xa vắng tiếng liêu
Trăm lên thơ đón những chiều thu sang
Sương mờ bao phủ không-gian
Chim kêu xao-xác từng đàn gọi nhau.

VÔNG-CHI

HÁT DƯỚI TRĂNG THU

Bút-ký của HOA ĐĂNG

Hôm ấy là 13 tháng tám ta. Mồn hường thú chơi trăng và thưởng - thức cuộc dã ca trong cảnh đêm thu êm dịu, tôi tìm đến một làng bên sông Nhuệ (thuộc Hà-dông) có tiếng là «thổ sản» hát trống quân.

Dưới ánh gay-gắt chiều thu, tôi và một người bà con cùng đi trong cơn hồi-hộp... Hồi-hộp vì, dạo này, trời nắng mưa, không biết đêm nay, cô Hằng có yêu, chúng tôi mà buồn xuống trần-gian những tơ vàng mịn đáng say-sưa, quyến-luyến...

Sau mấy trậ mưa dầm mới tạnh, xe chúng tôi phải trải qua nhiều nỗi gian-lao trật-vật trên một khúc đường «mới có barôc đi».

Mây đen tầng lúc bữa khắp chân trời. Cảnh vật dần chìm trong bóng tối. Đường đất còn hàng hai cây số nữa mới đến chỗ mục-dịch.

Mưa lâm-lâm sa... Mỗi một giọt mưa là một nhát dao cắt đứt những tia hi-vọng «thương trăng, nghe hát» của chúng tôi.

Liệu cơ không thoát, chúng tôi hèn vào trú trong một nhà quen ở bên đường.

Bấy giờ (1933) cuộc Á-Á-chiến hiện-thời chưa bùng nổ. Tôi còn được hân-hân ngồi ngắm ngọn đèn hoa-kỳ thấp bằng dầu hỏa le-lói dưới mái lá hiu-quạnh chìm trong cô thôn.

«Vũ vô kiêm lữ năng lưu khách», (1)

Câu thơ cổ ấy dường vì chúng tôi bấy giờ mà tức cảnh vậy.

Không bao lâu, mưa ngọt giọt, có thể xông-rào mà tạm d.

Ra khỏi nấp nhà tranh ấy, tôi, tay đèn, tay ô, do chủ-nhân có lòng tốt cho mượn, đi trước dẫn đường chờ người bà con tôi lập-cập bên này gây trúc và dưới chiếc nón than!

Cơm tối xong, chúng tôi thấy phương-đông đã ửng vàng, gạt dần những đám mây vẫn dục ra xung-quanh để dọn đường cho một đám bão-quang rực rỡ.

Tôi nhấp-khởi mừng, mừng vì, đêm nay, khúc Nhuệ giang sẽ được trở nên sông Xích-bích, mà chúng tôi đây sẽ là những Tô Đông pha đôi Tống trong cuộc bão-du.

Chú lái đã ghé bên. Chúng tôi giãm ánh trăng mà xuống thuyền.

Trời thu trong. Nước thu đầy. Thuyền thu lênh-dênh... Chúng tôi khua chèo, rắc vẩy vàng trong nước. Những tiếng y-ốp vỗ vào mạn thuyền như du-vô «khách thu» một cách nhịp-nháng tiết tấu... Vì nay mới là đêm 13 tháng tám, nên một dải sông từ làng Khuê-thủy đến cầu Tô háy còn vắng tiếng «anh, em, nàng, chàng». Chúng tôi phải bơi thuyền đi tìm bạn «thanh kỳ».

Tôi khúc sông bên làng P. d., một chú lái trong thuyền chúng tôi cất giọng nam, trước thán những câu khơi gợi:

«...Anh mới tới đây.

Bấy giờ anh mới tới đây.

Gặp em, anh hồi câu lục y trên chân.

Nhất cao là chôn cuống G. đ. đ.

Cuối kia cũng được thung thũng ra vào.

Nhất nghiêm là chôn động Đ. đ., Thuyền ngư len-lỏi cũng vào tới nơi.

Thấy em, anh muốn bảo chơi, Hỏi rằng em có nổi nhời được không.

Muốn chèo nhào tặc chừ đồng, Hỏi em: em có nổi lòng mà theo?...»

Đáp theo tiếng xướng ấy, một giọng thanh thanh nhưng mộc-mạc từ trong bóng tối ở trên bờ vang lên lạnh-lạnh, nhen lại ngọn lửa hầu tàn trong lòng chúng tôi vì tưởng đến phải «cút hứng» bởi chúng hiềm tiếng họa theo...

Cần mua

Cartouches calibre 12

Bạn nào muốn đủ lại, xin cạo biết mua viết thư cho:

Trịnh Như Luân

121 Quai Canalme Hanoi

Từ trong khoang thuyền, tôi nhòm dậy, chăm - chú nghe cá và say sưa ngắm cảnh...

Với tài, ứng khẩu bắt ngay vào vần câu cuối của bên nam vừa dứt, bên nữ trên bờ hạ giọng được vận rất ăn-hiệp, rất nhanh nhẹn rất tài-tinh và rất tự-nhiên...

«...Con gái thanh-tân,
Em là con gái thanh
lân,
Mẹ cha yếu-dầu mười
phần vẹn mười.
Thấy anh đoan-chính
đời,
Cho nên em mới ngộ
nhờ một hai.
Còn non, còn nước, còn
dài,
Em nay còn đợi một
người tài hoa.
Mấy câu em nói thật-
thà,
Xin anh đừng giọng
giăng hoa lam gì!
Cũng là buổi mới tương
tri,
Thì ta giảng dụ lễ nghi
mới hảo,
Cũng như chả khách
dập-diu,

Chờ như giăng gió mà điều nọ
kia...»

Đêm dần sâu. Trăng dần cao.
Khách chơi và người hát dần đông
vui. Thuyền tôi gác chèo, lặng-ẽ
lả trên sông, dường gương-ghệ
cho khỏi đứt mạch hứng-thú của
đôi bên nam nữ đương đua hát.
Rắn dũa rằng mùa tới-lấp trong

khúc trường-giang dưới cơn gió
nhẹ.

Hai bên nam nữ cùng tốt hơi.
Người ta kéo dài từng mạch hàng
mười, mười lăm phút... Đã đành
thuộc sẵn những bài văn sáo,
nhưng người ta cũng tỏ ra thông-
minh và nhanh trí khi bắt vần nhau,
khi tự giới-thiệu và khi bày giải
nỗi lòng...

卧	薰	珠	金	
聽	籠	簾	井	長
南	玉	不	梧	信
王	宮	桃	捲	桐
昌	清	無	夜	秋
齡	漏	顏	來	詞
	長	色	霜	黃

THU CUNG TRƯỜNG - TÍN

(Đây là thu của một vương-phí thất sủng)

Giếng thu vàng lá ngọc vàng
Rền châu cánh rú, đêm trường sương
gieo!
Lồng hương gói ngọc đìu hiu;
Nam-Cung...! năm lẳng tại theo giọt
đồng...

GIÂN-CHI

Đêm càng đậm trong tĩnh-mịch,
tiếng ca-bát càng vọng trong man-
mác mộng mênh...

Tôi không dám phỏng theo thi-
sĩ Đỗ Mục mà nói:

Thương-nữ bất tri vong quốc
hận.

Cách giang do vương Hậu-
đinh họa (2)

Song tôi cho những cuộc ca-hát
dưới trăng của nam nữ thôn quê
trong tiết trung thu này là một
món chơi rất cao thượng, rất
thanh-thú, vừa tả giải được tâm-
hoài của tuổi thanh-niên, vừa nên
được phong-lưu quý-ý của dân
một nước văn-hiến.

Khuya tuy không nhấp, nhưng
lòng tôi cũng ngây-ngất ngà say...

Thuyền tuy không rộng
nhưng hồn tôi cũng theo
những đợt sóng - ba u
mộng mà lên rồi lẳng-
lẳng niện-nhang...

Mùi lồng đã ngả bóng
đen mờ xuống mặt nước.
Tiếng gà trong xóm đã
xào-xạc giục cách lán.
Điểm nguyệt bên bờ đã
điểm những lổng trổng
bão gần sáng.

Chúng tôi rời thuyền
lên cạn, cố nhìn xem họa
mỹ có thấy con hạc của
Tô Đông - phà... Nhưng
dưới bầu trời thu trong
vắng, mây thu thanh-thanh,
chỉ vắng - vắng những
tiếng:

«... Giăng đã xẽ lả,
Bóng giờ giăng đã xẽ
lả,

Xin anh về ngủ kẻo mà đêm
khuya

HOA-BẮNG

Đầu thu Giáp-thân
(18 Septembre 1944)

1) Mưa tuy không có then khò,
thế mà giữ được khách ở lại.

2) Người thương-nữ không biết
cái hận mù nước, còn cả cách sông,
ca hát mãi khúc Hạp-dinh-hoa.

Những con giống

về tết tháng tám

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TO

NHỮNG con giống làm chup trẻ con chơi trong dịp tết trung-tầu, càng ngày càng nhiều. Duy có mấy con cá đã lâu, như cá rồng, sư-tử, v.v., sách nhỏ, sách tây có nói đến; nhân tết tháng tám, tôi kể lại ra đây, để độc-giả biết qua diển-lịch.

Quyển *Quảng-tập viêm-văn* (trang 42) của ông Nordemann nói: «Đời Tống, có con cá chép vàng thành tinh, đến tết trung-thu nó hiện ra người, đi đồ đàn-bà, con trẻ, hại lắm. Bao-công thấy thế, tâu Vua, sai dân làm đèn bằng giấy, hình cá chép, treo lên cửa, để nó trông thấy cũng giống thì nó không đến, Từ đấy dân mới khỏi hại».

Đến đời *Bao-công kỷ-án* thì khác hẳn, tôi theo chữ nho dịch ra sau này:

«Ở cửa đông thành Dương-châu (nước Tàu) có một người học-trò họ Lưu tên Chân, tự là Thiên-nhiên, lúc nhỏ thông-minh mà ham học, chưa có vợ con, giỗ lòng kinh sử, cam chịu thân bần, một lòng chỉ cầu hai chữ công danh. Năm ấy là năm thứ ba hiệu Hoàng-hựu (1051 sau T. - C.) đời Tống Nhân-tông, vừa gặp khoa thi, Lưu Chân sắm sửa hành-lý đến Đông-kinh để dự thi, không ngờ đi đường, khiên-dẫn, thành ra

chạm-trễ đến nơi thi đã thi xong. Lưu-Chân đành tuổi dài, tâu rằng: «Thế là xấu số nên không được thi», rồi thu xếp hành-lý đến ở nhờ nhà Khai-nguyên đề học. Không ngờ bỗng quan-âm vùn vụt, ngày tháng như trôi, thấm-tạoát đã đến tết thượng-nguyên: ở Kinh-dô, đêm nguyên-tiêu treo rất nhiều đèn. Chỗ Lưu-Chân trọ cách kinh-thành ba mươi dặm, thông ra bến Tào-vân, tên gọi là đầm Bích-du, nước sâu muôn trượng, có con cá chép vàng nghìn năm đã thành yêu-tinh, thường hóa làm con gái đi ở trên bờ, để làm mê hoặc; những khách phong-lưu. Đêm hôm ấy tình cá-chép vàng thoát được lưới ra đầm, nghe người ta nói trong thành treo nhiều đèn, liền phun ra một viên ngọc châu, ngẫm, nuiên là người con gái 17, 18, tay cầm lông đèn, theo người ta vào trong thành, Bọn nam-nhi trông thấy, không ai là không mê. Gân đến canh năm (khoảng 4-5 giờ sáng), giới đã dặng đông, ngọn đèn tàn chưa tắt, con cá yêu-tinh, sợ lộ chân-tướng, bèn chạy vào trong vườn hoa phía sau phủ thừa-tướng họ Kim, nấp ở giữa ao lớn. Đến đêm nguyên-tiêu, cá yêu-tinh không nhớ về đầm Bích-du. Vừa gặp con gái thừa-tướng tên là Kim-

tuyền tiêu-thư, cùng thị-nữ vào trong vườn thưởng hoa, thấy cá chép xinh đẹp trên giá phía đông, trên chậu có một khóm bạch-mẫu-aron rất đẹp, liền sai thị-nữ bỏ lại ngắm xem, đứng tựa bên lan-can ở trên gác cạnh ao uống rượu. Tự nhiên thấy trong ao có con cá-chép vàng, giương đèn trợn mắt bơi trên mặt nước. Tiêu-thư trông thấy lấy chén rượu đang uống dở, giội xuống ao. Yêu-tinh cá-vàng lộp một ngậm tui bứt: tiêu-thư trông thấy túm tìm cười, giờ lâu, ngoảnh vào trong gác, cá yêu-tinh đó biết tiêu-thư thích khóm mẫu-aron, đêm nào cũng thò hơi ra phun, khóm mẫu-aron càng ngày càng đẹp, làm cho tiêu-thư ngày nào cũng phải đến xem và bỏ hoa ngậm nghĩa. Tiết xuân đã hết, bắt đầu sang hè. Lưu tú tài ở phòng trai đã lâu ngày, trong túi hết sạch, bèn bỏ tri-kỷ lại về cả, không biết làm sao, viết mấy bức chữ thảo, đem bán các nhà quan ở trong thành. Đi đến trước phủ Kim thừa-tướng, vừa gặp thừa-tướng đi thăm bạn đồng hương, trở về trông thấy Lưu tú tài tay cầm giấy chữ, truyền đưa lại xem, lấy làm thích lắm, khen mãi không thôi, rồi bảo vào trong phủ, Lôi què quán lại, thấy người có thiên-tài, Lưu lại ở tây-quán, để dạy con cháu,

Chân rằng : « Đêm nay sẽ đến sớm hầu chàng ». Nói xong rồi đi. Từ bấy giờ cứ ngày thì đi, đêm thì đến. Hai người càng thêm yêu nhau. Khi yêu quá đến, thường đem những vật phẩm ngon và dãi Lưu-Chân. Lưu-Chân từ bấy lâu nay đã ốm, nhưng không biết. Có một lần yêu quá đem đủ rượu thịt đến cùng Lưu-Chân uống rượu, nói rằng : Chàng ở đây tuy tốt, nhưng sợ lâu ngày những thói xấu nó biết, mách của mẹ thiếp, lúc bấy giờ há bên cùng rống tiếng, thì hàng thiếp đã thu nhặt những tư trang đã thiếp, cùng chàng trốn về quê hương của chàng, kể làm vợ chồng lâu dài. Lưu-Chân nói : « Nếu thừa tướng sai người đuổi, theo tra xét thì tránh sao cho khỏi tội ? » Yêu-quái nói : « Mẹ thiếp rất yêu thiếp, những thói thiếp như là người cầu vồng, phỏng xử lý được theo bày tra xét cũng không hại gì ? » Lưu-Chân nghĩ : « Ờ, quả một đêm, tức là đêm mười bốn, dưới bóng đèn sân chiếc thuyền, rồi thì thu nhặt mấy lạng bạc, cùng Lưu-Chân chạy thẳng về Châu-Dương (tức là quê quán Lưu-Chân). Đến đây thừa tướng biết Lưu-Chân đi, cũng không hỏi kỹ là vì gì. Từ bấy giờ cây hoa mai đơn chồi, khô. Kim thiền-thư ngày đêm thường nhớ mãi đến, thành ra bệnh nặng, tuy có lương y, cũng không thể chữa được. Mẹ hiền thấy vậy, hỏi : tại sao sinh bệnh ? Liều-thư đáp vì có cây hoa mai đơn chồi. Mẹ hiền thấy vậy, cho gọi thầy thừa tướng về bệnh của đã liêu-thư. Thừa tướng nói : « Hoa này chỉ Dương-Chân mới có », rồi sai mấy người nhà đến tìm.

[illegible]

TÂM HỒN THI NHÂN VỚI MÀN TRĂNG THU

PHẠM-MẠNH-PHÂN

Những ngày hè đã tàn. Ve sầu đã thôi không ca hát trên ngọn cây cao. Và trong đêm trường, giun đũa cũng đã ngừng tấu khúc nhạc năm canh. Không còn ai nghe thấy tiếng cuốc khắc khoải giục gãi xua đi đi đêm hè như trước.

Và trên không gian đã thấy lững lờ buông một dải mây xanh ngắt. Trăng đã bắt đầu sáng tỏ. Sương thu đã lùa khắp trên nhánh cây ngọn cỏ.

Quang cảnh tạo vật đã nhuốm một vẻ u trầm tĩnh mịch. Bên trời lác đác đã thấy bóng nhạn kêu sương. Trong hồ, sen thâm của ngày hè đã phai màu mà tàn tạ, như chiu tang cảnh nắng vàng đã lắt. Khắp đó đây, lá cây đã bảo nhau xào xạc tung bay đề vợi vãn báo tình thu tới trước những cô phòng cửa các giai nhân đã mờ mắt đợi người trong mộng.

Gió chiều như đã chớm lạnh lùa thổi bao niềm trống trải chênh vênh với bao nỗi cô đơn hịu quạnh trong các tâm hồn lẻ bạn! Tiệt trời đã ngả màu thu.

Trước cảnh thu sơ ăy, là thi nhân ai không nầy mắu thi tứ mà cùng Nàng Thơ bầu bạn. Tại sĩ Nguyễn-huyên cũng đã ghi và nét tự nhiên trong mây vãn thơ âm điệu:

«Trời thu xanh ngắt mắg
Vừng cao,

Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như từng khói
phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng
vào.

Một cánh hoa rơi, một chiếc lá bay, một làn gió thoảng dưới trời thu cũng là những dấu đề cho thi nhân ngấm vịnh. Nhà thơ xưa của núi Tản sông Đà trước ngọn «Thu phong» cũng đã «tốt nên câu tuyệt diệu»:

«Trận gió thu phong rụng lá
vàng.

Lá rơi hàng xóm, lá bay sang.
Vàng bay mấy lá, ăm già gượng.
Hờ kình ai xui thiệp phụ
chàng!

Trận gió thu phong rụng lá
hồng.

Lá bay, tường bắc, lá sang đông
Hồng bay mấy lá năm hồ hết,
Thơ thần kia ai vẫn đứng
không!

Thu về, gió heo may đã thổi.
Những ai đã, cảnh không khói vì
thu mà ngẩn ngơng trăm mối, Nữ
sĩ Trương Quả đã ứng xạ lộng
than ki ộc vì thu.

Người quả phụ ấy bám cặp
phòng thu và tỏ với «giường xưa
chưa ửu nghiêng sầu», «mắt đã
bao niềm tâm sự trong mưa phùn
sợi tơ lòng không rụng mà rơi»!
«Đời thu ảm đạm một màu»

Gió thu hiu hắt thêm rầu lòng
em!

Trăng thu bóng ngả bên thềm,
Tiếng thu ai để duyên em bẽ
bàng!

Và nghĩ tới cảnh đi ăn khi trước,
mỗi độ thu sang túi mình đều
xanh lả bặt, đã vì thu mà nặng
lời thồn thức chan hòa giọt lệ!

Cảnh thu thật đã khơi gợi
trong những tâm hồn đau khổ
biết bao niềm u ầu.

Trước cái cảnh lá rụng, gió
đưa, với cúc ngậm màu sương,
nhiều người thật đã vì thu mà trao
mối cảm.

Thi sĩ Tú Xương thì khác hẳn.
Trông mảnh trăng thu vắng vạc
sôi tỏ trên vầng trời xanh thẳm,
đối cảnh sinh tình đã bâng khuâng,
lặng tiếng gọi:

«Nào trẻ con đâu thức đề trông,
Kia ông trăng mọc ở đằng
đông»

Nhĩn là cho biết trời hay mẻo,
Trông kỹ mà xem đực với
trông.

Lấy ánh khắp người đâu chẳng
lở,

Làm gương trên dút để soi
chung.

Trùng thu này hẳn hơn thu
khác,

Chẳng biết rằng ai có biết
không?

(Chơi trăng tối trăng thu)

Nhìn ánh trăng trong tòa khắp đó đây, thi sĩ đã đặt bao nhiêu hy vọng trong cuộc sống hòa của người đồng ruộng, những bông mong thu nẩy hơn thu khác. Tấm lòng sắt-sắng ấy của nhà thơ non cõi sông Vị, ai người có thấu?

Nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương cũng chẳng vô tình với cảnh sáng tỏ ấy của đêm thu. Với giọng văn phung phú dồi dào sẵn có, với sự nhận xét tinh vi, cô đã mô tả « Giã thu » bằng những vận bêm trắc, cái cảm bằng những lời chứa đựng, âm ở mà kia đây:

« Mọi trái giã thu chua mơn mơn,
Này vừng quế đỏ đỏ lờm lờm.
«Ừa in chiếc bích khuôn còn mướt
Ngồi khép đôi cửa cánh vẫn khèm
Ghé mặt kẻ trần đưa sỏi mới,
Ngồi gan thừng cạp dưng lom khom.
Hỡi người cẻ quế rằng ơi đó?
Đó có Hằng-Ngà ghé mặt dòm. »

Cũng ngắm mảnh trăng thu ấy, Thi sĩ Tảo Đà đã gửi bầu tâm sự trong mấy vần thơ dip-dìng êm ái mà lại nhuộm vẻ mỉa mai chua chát.

Giữa đêm rằm, nhìn ánh bạc, thi nhân bùi ngùi cho thân thể đã vươg bão phen lặn đập vì kẻ mưu sinh, mà ngán nỗi cho cuộc vẫn thương đã đến khi tàn!

Nay thi nhân thấy mình, mái tóc xưa đã ngã màu sương, lòng lấy chán nản, không còn cho sống là vui, nên muốn cùng trăng thủ bầu bạn:

« Đêm thu bẽ mặt lắm? Thi Hưởng
Trần thế em nay chán nữa rồi
Càng quế đã rơi ngời đã chửa?
Cánh đu xưa chi nhấc lên chơi.
Cỏ bàn có bạn em chi tới.
Cùng gió cùng mây thế mới vui
Rồi cứ mỗi năm rằm không tợ
Tựa nhau trông xuống thế gian cười! »

Khởi Anh con 1)

Cho tay, cùng một mảnh trăng x thu mà hàng rời đã ứng gửi gắm niềm tâm sự.

Bên trời xa thăm, những ai mãi vui câu chuyện trời nam bên bể đông mà như đã từng nặng lời vì cty cỏ, kéo dài cái lớn xa ty vọng, trông trăng thu trách nào khỏi vì trăng mà ngậm ngùi cho sông núi.

Phải chăng, cũng mảnh trăng thu ấy đã từng níu kéo cho ai, trong chốn cờ bạc mỗi độ thu qua, giật mình nhìn bóng trăng gương « thấy » thu này áo thêu vóc liễu « ưong hơn » với làn má phấn đã phai màu thắm mà nhìn trăng không khỏi bàng hoàng e lệ!

Ánh bạc của trăng thu quả đã nói nhiều với những ai, đã từng kêu gọi nỗi lòng vui, buồn, thương, nhớ trong lúc thu về sương xuống.

PHẠM-MẠNH PHÂN

Dịch thơ Tây

Chanson d'Automne

Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon cœur
D'une langueur
monotone.

Tout suffoquant
Et blême quand
Sonné l'heure,

Je ne souviens
Des jours qu'en
Et je gèle.

Et je m'en vais
Au vent mauvais
Qui m'emporte
De ci, de là,
Parcél à la
Feuille morte.

P. Verlaine

Thu khuya

Đàn th ị ỳ ỳn thức dài,
Hiu hắt q'ong nỉ hoài,
Lòng ta d. u tẽ lải,
Lũng lợ sừ ọi dầy.

Bỗng nghe đống hồ d'êm,
Mặt m'ng ng ị ỳ ngất say,
Ta nhớ-nhung ngày cũ,
Mà ta lệ lạng-lai.

Thôi ta chán c'ư bước,
Mặc gió lốc cuốn bay,
Nay đây thì mai đó,
Như chiếc lá lìa cây.

CÁCH-CHI phiên dịch

THÁNG TÁM NÓI CHUYỆN ÔNG NGHÈ

HIEN-ĐAM

Cái tuổi khoa cử đã xa, những tâm ba « Tiến sĩ đề danh » ở Giám, qua bao cuộc tang bái đã phủ những lớp rêu phong, mặt dầu thố những danh ông Nghè ghi trong bia còn truyền, truyền ông Nghè còn được nói vì hình những ông Nghè ấy một phần đông đã tạo ra chính trị, xã hội, cách này mấy trăm năm.

Bên cạnh những ông Nghè bằng giấy, mặt phấn bân ở hàng Gai đã nhả: chọ ta cái thời kỳ văn học ra-xôi, uân lết thu, tôi thử nhấc lại vài gai thoại ông Nghè đề giúp vào tài liệu văn-lịch:

Ông Nguyễn Toàn An, người làng Thời cư, huyện Đường an, tỉnh Hưng-yên, năm 18 tuổi đến hạn phải ra lính, gặp khi phải coi việc của quan cho nhà vua, lại vừa tết trung thu mà g ai g sao không có tôi này đêm ba-mười.

a Nhân Tông lấy cảnh ấy ra thơ cho các quan làm, các quan đưa ai làm r ng thì Toàn An đã ngẫu hứng đọc hai câu thơ

Mạc đồ kim chiếu nhân thị nguyệt

莫親今朝親定月

Lại làm rọng nguyệt, nguyệt dĩ cao.

來秋望月月隔高

(dịch nghĩa: chờ thấy hôm nay mà bảo không có giăng, đến mùa thu sang năm trông giăng, giăng lại cao).

Nhà vua nghe thấy vỗ tay cười: — Thăng lính mà cũng biết làm thơ ư?

Vì thấy câu kết có khí tượng, giọng văn lại rộng-rãi, liền miễn cho đi lính.

Ông Toàn An trở về tìm thầy họ, năm 20 tuổi thi hương đỗ đầu, sau thi hội đỗ bằng-nhơn mà làm nên biển hoạn.

Nguyễn Thọ Xuân người huyện Chí-linh, tỉnh Hải-dương thuở nhỏ đã được tống là thừa-dồng. Tuy van tài rộng rãi mà đ rơng công danh vẫn chậm chạp mãi 54 tuổi mới đỗ sinh đồ (lũ tài). Đến khoa sau vào thi hội nhân vì vua ra chơi ngo môn đầu hai mải quá, t ra mới ra. Tất cả 12 câu thi-sinh ai cũng rọi qua 12 câu không đợ nh h hach. Duy Thọ Xuân chỉ làm 4 câu ngĩa lý gọn gàng; khi quan coi, thao xem quyền ông có bọn. ầu rấ hay mà không giám quyết lấy lên cất vào Lôm.

Ngày đình-dĩ, đem quyền dâng lên, vua hỏi lại quán thủ khảo có còn sót quyền nào không quan chủ N ào lâu

— Còn so một quyền có 4 câu rất hay nhưng chỉ hiểu tới ròn thiếu tán ầu nên không dám lấy.

Vua phán:

— Thi nhất cú, phú nhất văn, (thơ một câu, phú một văn), một câu hay còn lấy được, phương chi

là 4 câu hay, sao lại bỏ? quan chủ khảo dâng quyền, vua khen văn tả, và lấy vào hàng đầu.

Còn ông Thọ Xuân, sau khi làm bài dạn nhà trọ rằng: « khi nào ra bằng phiên ông xem hộ nếu thấy tập tôi đỗ thì về nhà báo cho tôi biết. Dặn rồi ông xách khăn gói về thẳng nhà.

Khi đến nhà vợ hỏi việc thi cử ra sao, ông bảo vợ rằng

— Đầu bài ra 12 câu, tôi chỉ làm có 4 câu thôi.

Vợ đi làm bánh lục tào lên gặt rằng: ời

— Năm mươi tuổi đầu mới trúng sinh đồ bảy giờ thi, đầu bài ra 12 câu mà chỉ làm có 4 thi còn mong đỗ đạt gì!

Đến ngày phòng bằng, người nhà trọ thấy ông đỗ vào hàng tiến sĩ mừng quá, chạy đến nhà báo tin, nhưng lưu cả tuổi chỉ cổ tay rơ rơ mà thôi.

Ông Thọ Xuân hỏi lại biết mình đỗ quay lại báo vợ:

— Đây bà nỡ xem, 4 câu của tôi chả ăn đứt 12 câu của người là gì!

Về sau Thọ Xuân làm quan thọ mãi 80 tuổi mới về tri sĩ.

Nguyễn Xuân Quang, người làng Đột-linh, huyện Thạch-Thất, tỉnh Sơn-tây, nhiều tư chậm chạp, nhưng cố trí nhớ lâu và chăm chỉ học hành, đã học được câu nào thì không bao giờ còn quên nữa

Khi theo học, ông học suốt ngày đêm không mấy khi nghỉ, tiếng thì to và thô khó nghe, lưng xém mỗi khi nghe ông học cũng bị tai mà cười.

Trong sân nhà ông, có vườn cau, ông ngồi đọc sách ở đấy, vừa đọc vừa lấy gậy đập vào thân cây để làm dịp học đến nỗi những cây cau chết lụi cằn. Bà chị thấy em siêng học vừa giận vừa mừng bảo rằng:

— Đắt sỏi bao giờ có trạch vàng, làm gì khổ thân như thế!

Ông không nghe, cứ chăm chăm một việc học. Đợi Nhấn Tông, nhà Lê, Khoa Đinh đầu, ông thi hương đỗ đầu tại đình đồ Tiến-sĩ, ngày về vinh quy, nhưng người đến mừng chật nhà. Ông sai làm cỗ mời bà chị để đánh chén, ông sai người nhà làm một đĩa cò con chạch vàng to béo để mời bà chị soi và cười bảo chị rằng:

— Ngày xưa chị bảo đắt sỏi không có chạch vàng, bây giờ xem bây giờ có đắt sỏi là gì? Cả hai cười cùng nhau vui cười.

Nguyễn Chật, người làng Mọc viên (Nguyễn viên) huyện Hăng bua, Thanh-hóa, lúc bé đi học rồi làm, tới khi đã lớn ngoài 30 tuổi làm văn chưa thông, chỉ được vài sức vóc khỏe mạnh, nhưng khi nghỉ học lại làm việc cấy bừa, tát nước và các việc đồng áng.

Anh em bạn học thấy đột mà lại sức khỏe, thường ủy cho việc quét rửa nhà trường, kê ghế, kê bàn cùng phụ định thời cơm, nấu nước trong nhà trọ.

Năm ngoài 40 vẫn cố theo học, thầy học thấy vậy có lòng thương, nhân gặp khoa thi hương bảo các trò khác rằng:

— Nguyễn Chật tuy lỗ độn

nhưng có chí cố học thực đáng khen, hay các anh chờ anh ấy rảnh rồi vào trường anh em nên mời người giúp anh một đoạn văn, học mấy ra đỡ được, k ôi phụ cái công đèn sách.

Cả trò vàng lời

Thời ấy vào Hậu Lê riêng họ Quang Hưng, vì mới Trung hưng nên phép thi chưa nghiêm mật lắm

Ngư ễn Cuội vào trường bạn học mỗi người làm văn gúp một đoạn, vào loại cả bốn kỳ, đến lúc kéo bằng cũng bốn rằm người bạn đều đỗ hương cống.

Nguyễn C. tuy đã 50 tuổi nhưng sức còn khỏe lắm, sáng xuân đến kỳ thi lộ, Chật tự nghĩ sứ: mình kém may nhờ phúc phận đỗ được hương cống đã là mãn nguyện lắm, không giám vào kinh thi nữa.

Nhưng anh em đồng khoa, có nài ông cùng thi hội cho vui và kện lữ: vào trường lại gúp sức.

Nguyễn Chật bằng lòng quây gánh tiền gạo đến nhà trọ phục dịch cơm nước rất nhanh nhẹn được việc. Khi vào trường anh em bạn lại làm văn giúp.

Kỳ phú xuất bằng thấy bạn đều hồng cả chỉ duy Nguyễn C. bị trượt. C. lấy làm lo quá thấy bạn sống cả, mai vào văn sách không có ai giúp, bèn xoay làm sao viết cho đủ quyển.

Đêm ấy nằm mơ thấy ông g. bảo rằng: quan Tân Tiến sĩ ngày mai vào trường nên mang một đĩa điểm s. nh. đi để đỡ ông g. ư.

Chợt thức dậy, không hiểu ra sao, nhưng cũng theo thói quen mang điểm s. nh. vào trường

Đến lúc vào trường, xem điểm bài văn sách không hiểu nghĩa ra làm sao cả, cũng liều đóng lều, che lều, ngồi ăn cơm no, ăn no xong nằm ngủ một giấc, tiếng ngày khô khô đến chiều mới dậy.

Bà giờ có một ông hương c. ở lều bên cạnh, là người hay chơi cờ tướng, làm lều đã mười phần đặc ý chỉ duy còn đoạn kim văn làm chưa xong bỗng nổi cơn đau bụng tửu chết, trong khi ấy các bụng cũng kia đều mất làm văn cả, duy chỉ có một mình Nguyễn Chật ngồi yên vô sự.

Ông liền gọi lại bảo: quyển tôi làm rất dở cao chẳng may mà phải bạo bệnh, không kịp sống được, nếu đại huynh có thể cứu tôi ra khỏi nhà trọ, thì tôi xin tặng (Xem tiếp trang 16)

Nhiệm vụ của sách tìm mua không còn nữa!

Tất cả sách quý của bạn, vì cho mượn hay vì mất cắp mà thiếu nhiều quyển hay tìm mua khắp nơi không có, bạn hãy viết ngay thư kèm tiền 0 \$ 16 cho:

Kiosque Thanh Tao
Vinh

Năm ngày sau, bạn sẽ nhận được súp giấy đánh máy kê lên trên 200 gr để đủ các loại (thảo - cổ, phê - bình, phonét, lịch, thơ, văn - thuyết) xuất bản từ 1940 đến nay.

Mỗi 1 lạng 20 \$ 00 bạn sẽ không phải chịu tiền vận chuyển. Thư này chứa đựng lời hứa có sẽ cố tìm mọi cách giúp bạn.

DINH-NHẬT-THẬN (1815 - 1866)

với khúc « Thu dạ-lữ hoài » (1)

NHẬT-THẬN

Khúc *Thu dạ-lữ hoài* là một áng văn bất dục, mộ. Lễ thơ đầu tiên bằng chữ Hán làm theo điệu song thất lục bát là đặc của người mình đặt ra

Độc *Thu dạ-lữ hoài* ngắm, ta cảm thấy lòng thi-sĩ, vì ở lâu ngày nơi đất khách nên chưa nổi nhớ quê hương, rồi một đêm thu cô- tịch, đối cảnh trăng thanh, gió mát, ngâm lên khúc *lữ-hoài* để than thở nỗi niềm tâm sự.

Người đã ngâm lên câu thơ cảm-khái ấy, tuy sinh không gặp thời, phải vui thú với cảnh yên-bà, nhưng thực vẫn nặng lòng với non nước.

Trước khi xét đến giá-trị khúc *Thu dạ-lữ hoài*, ta cần nên biết đến thân-thế tác-giả ông Đinh-nhật-Thận, một văn-hào có tư-tướng phiêu dạt.

Đinh-nhật-Thận tự là Tử-đức, hiệu Bạch-mao-am, sinh năm Ất-bợi (1815) tại xã Thanh-lê, huyện Thanh-phương tỉnh Nghệ-an sống dưới triều Gia-long, Minh-mạng, Thiệu-trí, Tự-đức, giữa khoảng sông Lam, núi Hồng.

Người thông-minh, xuất-khết, ông có tài mẫn-tiếp xuất-khất thành chương. Năm 20 tuổi, thi đậu tú tài.

Khoa Đinh-dậu (1837), ông lại ứng-thi ở trường Nghệ-an. Chánh-chủ-khảo là Lân-duy-Nguyễn vốn có ác-cảm với sĩ-lữ Nghệ-an, liền lại khảo-nguyệt, chỉ lấy đậu 5 viên

cử-nhân tuy một khoa được tuyển 22 người.

Đinh-nhật-Thận, tên ngoài mẹ Tồn-son, đành ôm hận mà về.

Cán quyền thi đệ về kinh-ngự-lâm. Vua thấy đất Nghệ-an xưa nay nhiều nhân-tài mà khoa ấy đỗ ít, bèn cho phép các tú là cũng được dự khoa thi hội.

Năm Mậu-tuất (1833), niên-hiệu Minh-mạng thứ 19, Đinh-nhật-Thận đậu khoa thi hội, rồi vào dinh-thị, đậu đầu hàng tiến-sĩ. Năm ấy, ông mới 24 tuổi, so với các bạn đồng khoa, ông trẻ nhất.

Năm ấy lại chính là năm đầu cổ lệ các Tiến-sĩ được cử: ngự, xem hoa trong vườn thượng uyển, rồi vào bãi-mạng, đi lấy tạ các quan trường, các vị đại-thần.

Trong khi còn ở kinh đô chào các quan, có người muốn thử tài Đinh-nhật-Thận, đem cuốn *Tự-điền-Tàu* đồ ông học thuộc. Ông vui lòng đem *Tự-điền* về xem, bữa sau, hỏi lại thì chỗ nào ông cũng nhớ, đọc lại không sót một chữ.

Một người đến, chịu ông là học họ nguyên-thần. Nhờ có tài lỗi lạc như thế, ông kết giao với các danh-sĩ ở đương-thời.

Đinh-nhật-Thận quen Nguyễn-Hải-Ninh là vì cùng học một thầy, cùng trọ một nhà, trong miền Nghệ Tĩnh.

Hải ông, về sau, giao-du thân-mật với Cao bá-Quát, một văn

hào đã đậu thủ khoa Tân-mão (1831), tài hoa lỗi lạc, khí-phách ngang-lang.

Tinh thần-ái giữa các ông ngày thêm khăng-khít, đôi khi họp mặt, thường xướng họa làm vui, tiệc rượu bầu đêm suốt sáng, phòng-dạ vô cùng.

Cách ít lâu, Đinh-nhật-Thận được bổ làm quan. Nhưng từ khi bước chân vào hoạn-trường ông cái muốn lánh xa khỏi vòng cương-tỏa. Vì tính cương-trực, ông làm Tri phủ chưa lâu, đã bị can nghị phải về.

Mãi đến năm thứ ba niên-hiệu Thiệu-trí (1843), ông được phụ-chức, nhưng ông các bệnh, quay ngựa về vườn, vui thú yên-bà, lấy nước biếc non xanh làm bạn, nay ra Bắc, mai vào Nam, không một sức gì cố thể thay đổi được chí-tri-tu của bậc cao-nhân chỉ quạ đứng.

« Ngoài vòng cương-tỏa, chân cao-thấp »

và sự-mơ nghĩ đại-thoa-giáp đã « Mang công-danh quý-khư »

« Bầu rượu thánh, túi thơ tiên là thú. »

Đinh-nhật-Thận lập ấp ở giữa làng Thanh-lê và làng Tiên-bội, ấp Ga hội dựa vào một dãy núi nước-mạ là giong sông Lam cuốn chảy bóng xuôi, phong cảnh thực hữu-thần. Ông may đất khảo bả, khiêng một dãy hoang vu trở

nên mọi vùng ruộng đất phì nhiêu.

Ông lại mở trường dạy học, môn sinh thành đạt cũng nhiều. Thời thường, ông rất ham đọc sách mà sở trường nhất về y-khoa. Ông dạy công kê-cứu, các sách thuốc, nên đã nổi tiếng là một học-dinh-y trong vùng, cứu được nhiều bệnh-nhân và chữa được nhiều bệnh khó trị.

Trong những giờ nhàn tản, ông cưỡi ngựa, một mình đi xem những nơi thắng-cảnh danh-lâm. Một khi ra Bắc, ngắm quan án Nguyễn và 1-Sầu lại có phớt vào kinh, vào nhà Nguyễn-Hàm-Ninh để cùng nhau ngắm vật.

Năm Tự-đức thứ bảy (1854), ở tỉnh Sơn-tây, một đảng lập Lê-dự-Cự là đồng dõn nhà Lê, làm mình-chủ, để đánh nhà Nguyễn. Cao-bá-Quát làm giáo-thụ ở phủ Quốc-oai (Sơn tây), nghĩ mình tài lực chẳng kém ai, mà cứ bị quan trên đề nên, bắt chỉ, bỏ quan về dạy học, rồi theo giặc xưng làm quốc-quy, tung hoành ở vùng Sơn tây và Hà nội.

Taáng chạp năm ấy, quan phó lãnh-binh tỉnh Sơn tây là Lê-Thuận đi đánh, bắt được Cao-bá-Quát đem về chém tại làng Phú-thị, phủ Gia-lâm (Bắc ninh) là quê nhà Lê Cao.

Nhân vì mùa tháng năm năm ấy, ở vùng Bắc-ninh và Sơn tây có nhiều châu-chấu phá hại mùa-màc, nên người thời bấy giờ gọi là giặc « Châu chấu ».

Sau khi quân sự giặc « Châu chấu » bị tội, triều-dinh vẫn nghi ngờ những bạn Cao-bá-Quát. Đinh-nhật-Thận thương nhất y lại giao-đủ với Cao-bá-Quát, nên bị nhà đương-cụ lưu ý; mọi việc hành-dộng của ông đều có người rình-mò.

Thống-chê Pétain đã nói :

Hỡi quốc dân Pháp, cả người hãy làm bêu lộ tinh thần của giống nòi bằng lời nói, cử chỉ, cả làm việc tài sáng kiến và chí phát minh.

Một hôm vì có 3 người bạn đến chơi, muốn bày cuộc tổ tôm chơi vui, nhưng lẽ cả chủ nhà mới có 4 người, Đinh-nhật-Thận bèn viết thư sai người nhà qua sông mời một người bạn nữa sang đánh tổ tôm và mượn cỗ bài một thè.

Thư viết rằng :

« Tư tướng dĩ cụ,

Chỉ khiển nhất viên,

Tương nhất bách nhị thập
tinh binh,

Độ hà lai chiến? »

Tổ tôm đã đủ bốn tướng, chỉ còn thiếu một viên. Dem 120 tinh-binh qua sông, quyết-chiến một pheo!

Khi cả thư ấy bị một tên lính-lệ giật lấy ở tay đưa gả nỏ của Đinh-nhật-Thận, rồi thấy nỏ ở trong tay có vẽ khố-nghe, tên thám tử chạy về trình quan địa-phương.

Đinh-nhật-Thận bị bắt, đã hề-sức phản trả, nhưng cũng không sao thoát oan nỏ, họ Đinh, đánh chủ án « yệu thư yệu ngôn », và năm giam cầm.

An tự về họ bị bắt, đương Đ-nhật-Thận phải giải về kinh, chờ theo-thập.

Vị đại-bách có thày gầy, vì có tư-ý cấp với ông, nên quyết k' ép ông vào tội tử-hành.

Nhưng may thay! kh. ông vừa bị bắt, thì bà mẹ của vị đại-tướng kia là bệnh. Bấy giờ ngày càng gần trọng-không-tuộc-hồ-chữa-khỏi. Bà vốn biết rằng ông là một vị danh-y bết bết, con phải đi rước ông về chữa cho bà.

Vốn là người con chí-biêu, vì đại-tướng đánh gặt nước mã, quân tư hiêm, thảo hành đi rước Đinh-nhật-Thận về chữa cho mẹ.

Tàu của Đinh-nhật-Thận quả nhiên cứu sống mẹ vị Đại-thần.

Sau khi bà bình-phục, bà buộc vị đại-thần phải tâu xin Hoàng-thượng ân-xá cho vị danh-y họ Đinh.

Lại gặp khi nhà vua bắt định thần vị là một bức « Long ảnh long án », các quan độ lên gần 50 cân, rồi bị vua bắt cả. Có người biết Đinh-nhật-Thận có tài chữa bệnh, bèn nhờ ông giúp đỡ.

Ông liền đọc ngay trước vua, lớn giọng nói: Vua Đức-lion rất phục tài.

Vì các n'è trên chẳng bao lâu, vua Tự Đức xét Đinh-nhật-Thận không có bằng-chứng là đã can phạm vào việc phẩm-lạc, lại là người có tài đáng thưởng, bèn tha cho ông khỏi vòng giam-cầm.

Tuy vậy, chưa lên Đ-nhật-Thận một độ trung thành, nên muốn đề việc kiểm-thử, nhà vua gử họ Đinh ở Huế dạy mấy người tòng-thất, để dò hành-vi cử-chỉ của ông.

Trong lúc ông bị giam lỏng ở kinh, phải tự bới rầu về cảnh-ngộ phải thì (trở lại nước nhà), nên một lúc đem thu trắng sáng. Đinh-nhật-Thận uống rượu (Xem tiếp trang 16)

(*) Dựa tài-liệu của các ông Đinh và Nguyễn, soạn bởi ông Nguyễn Văn Chất.

Một vài ý kiến về đồ chơi trẻ em trong dịp tết Trung-thu

TRỊNH-VÂN

Ngày tết Trung thu của ta cũng như ngày lễ « Noël » của người phương tây. Nước nào cũng có một ngày đáng quý để dành cho các trẻ em vui hưởng.

Tuổi thơ-ấu là thời-kỳ thiên-phanh của người ta.

Franklin, lúc bé chỉ thích một cái chơi hơn tất thảy.

Trần Quốc-Khang và vua Trần, Thánh Tông, lúc trẻ, đùa nhau ở trước mặt Thượng hoàng, tranh nhau chèo áo bông trắng, múa may như người rợ Hồ (1).

Tương-lai hay Lay dở quan-hệ ở tuổi thơ-ấu được đào tạo và dần dần có nhân đường hay không.

Kẻ làm cha mẹ chẳng những chỉ chăm-nom cho con hay ăn chóng lớn, mà lại cần phải tìm cách cho con chơi không có hại, dạy cho con nên có chơi mà biết suy nghĩ, nhanh nhẹn, và khéo léo, v.v...

Vậy muốn cho trẻ em học trong lúc chơi, ta cần phải chọn những đồ chơi cho trẻ.

Các nước văn minh đồ chơi của trẻ em được các nhà chuyên môn nghiên-cứu và những nhà máy lớn làm rất tinh xảo để các đồ chơi đó được thích hợp với trình độ nhi-đồng và phổ cập khắp nước. Nào những đồ chơi thay bằng điện, có thứ dùng bằng hơi nóng, hay chạy bằng giây cót, và nhiều thứ khác chuyên động bởi sức khỏe của cá: em lấy chân đạp, hoặc lấy tay quay.

Cho các em chơi hình các súc-vật để các em biết nhận xét hình thể các giống vật, chơi « poupées » để có tính hiền lành bác ái, chơi những đồ « chiến-cụ » để có tính thần chiến đấu và chơi các đồ trong nhà như bàn, ghế tủ để biết bày biện, v.v..

Vậy thứ chơi gì cũng có phần bổ ích cho trẻ con cả.

Ở nước ta đã có từ xưa những đồ chơi bằng đất, bằng bột nặn hay bằng giấy. Nhưng các thứ này chỉ bổ ích về đường giải trí chứ không có hiệu-cách khoa học.

Thế kỷ này là thế kỷ máy móc. Các đồ chơi của trẻ con cũng phải có tính cách máy móc để trau-giồi tinh-thần khoa-học và gây thói quen khôn-khéo cho trẻ ngay lúc này còn non nớt.

Bây giờ chúng ta hãy qua các cửa hàng xem sơ các đồ chơi trẻ em. Đồ chơi bằng giấy bán ở Hàng Gai : vẫn ông Nghè, vẫn đầu sư tử, vẫn đèn kéo quân, vẫn các thứ xếp vẫn các con giống làm bằng bông hay bằng giấy cứng tô màu và những con giống nặn bằng bột... Tất cả những vật này chỉ dùng cho trẻ em vui chơi trong chốc lát chứ không bền lâu.

Ở Hàng Thiếc chỉ làm những vật thông thường như ông sư gõ mõ, con thỏ đánh trống, người phu kéo xe, v.v. Cách

trình-bày còn vụng và cách làm chưa được tinh-xảo, cho nên dễ làm trầy da trẻ em, và không mang lại cho chúng sự gì mới lạ.

Dẫu vậy, hiện nay cũng có một vài nhà chuyên môn làm đồ chơi cho trẻ, họ cũng đã lưu tâm tìm tòi dụng công chế tạo :

Các con giống bằng gỗ có bánh xe, các poupées, các thứ xe hình binh lính, các đồ chơi về khoa bày biện và xây dựng v. v.. Cũng đáng khen vì đã có nhiều sự cố-gắng ở trong cách trình bày và cách áp-dụng. Nhưng nhiều thứ này còn sơ-sài, nên chưa có thể so-sánh với hàng ngoại quốc được.

Nhân tết Trung thu là ngày tết của trẻ con, ta nên tổ chức cho các trẻ em một ngày chơi có tính cách lịch-sử, và có những lối chơi « Khoa-học » để, trong ngày đáng quý ấy, các em nhận sự chơi mà được ích-lợi về ba phương-diện : trí, thể, đức dục.

TRỊNH-VÂN

(1) Đại-Việt sử ký toàn thư, quyển 5, tờ 32 a b.

ĐẠI CỐ BẢN

VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ YẾ

DƯƠNG QUANG HÀM

Giáo sư trường Trung Học

Đỗ-Hộ Hà Nội

500 trang khổ lớn 15 x 23

Giá 12\$00

DANH TỪ Y HỌC

(Tập A và B)

PHẠM KHẮC QUANG

Y-khoa Bác-sĩ

LÊ KHẮC THIẾT

Ngoại-trá Y-sinh gia 3\$00

ĐẠI NAM HÌNH PHÁP

LÊ CHUỖ CHÁNH

Y-khoa Tiến-sĩ

Thẩm Phán tại Tòa

Thượng-thẩm Hà Nội

350 trang khổ 13 x 20 3\$00

Nhà in XUÂN THO

214, Hàng Bông Hà Nội

Tháng tám nói chuyện ông Nghè.

(Tiếp theo trang 11)

Đại-huynh quyền này, thay đề tên khác mà nộp, còn tôi thì cáo bệnh.

Nguyễn Chật mừng quá, lĩnh lấy quyền, đề lên mình mang nộp, rồi công ông kia ra cửa trường.

Khi gần đến cửa, ông kia đau quá, ngã đi tưởng chết, Nguyễn Chật đỡ;

Đại-huynh bình nhật vẫn có chứng này ư?

Ông kia đáp.

— Vâng, bệnh tôi sắp rồi. Khi đau chỉ ăn một bát diêm sinh là khỏi, vì thế hãy giờ lấy dầu ta được.

Nguyễn Chật nói:

— Sao đại-huynh không báo trước, tôi có mang theo đây.

Liền đỡ gói diêm sinh cho ông kia ăn, khỏi đau bụng ngay cũng đưa nhau về.

Quan - qu - khảo xem ban Nguyễn Chật thấy hay lắm liền lấy đồ dầu, nhưng vì kim vẫn còn thiếu mất hai đoạn nên cũng phải lấy đồ thứ bảy.

Tối ngày đình đối, van ra giải quá. Các cố gắng sao xong dầu bắt đầu làm cả, duy Nguyễn Chật loay hoay mãi, quá nửa chưa

không xong, mắt đỏ hoe tay run lập-tập viết chẳng thành chữ.

Nhập có thầy đội thổ sát đi qua đây, trông thấy Nguyễn Chật vào dầu bầu mãi không xong đã rửa mắt, Nguyễn Chật lại vào thầy đội chỉ lên bằng hỏa:

— Này này ông đội, từ xưa là chử gì rồi? Thấy đội phá cầu cơ châu đẹp một cái Nguyễn Chật lên nắm vai.

Đến nửa chiều, vua hể Tôn ngự ra trường thi, xem các cố gắng làm văn, thấy người nằm ở dưới bằng dầu bầu liền phán tỏ

Nguyễn Chật lần

— Kể hạ thần trong sao dầu bầu, bị đội thổ sát đập một cái đầu làm không dậy được.

Vua nghe đầu giận lắm sai cách chức viên đội thổ sát và truyển 4 đến cấm binh phải khiêng Nguyễn Chật về nhà trọ.

Nguyễn Chật ra khỏi trường mừng thầm nếu không nhờ có cái đập của thầy đội thì sao thoát tai nạn làm văn.

Trước khi kéo bằng, các quan trông nhiều người-bàn nên trở về tên Nguyễn Chật, Vua còn do dự hổng gặp việc Trịnh Xuân nổi loạn, ra giá phải chạy về Nam — vài tháng loạn yên mới về, vua

truyền cả y như hội bằng lấy đồ Tồn sĩ. Vì thế Nguyễn Chật được đồ Tồn sĩ đội bằng

Về sau có công theo đi dẹp giặc được phong đến quận-công (1)

Truyện ông Nghè nêu kể mãi thì bao giờ cho hết và nguyên một số trong các bia đã có hơn 1000 rồi.

Năm năm Trung thu đến, giăng rằm rạo, gió tang mát, người ta còn được nhớ đến ông Nghè, nhưng nhờ ở vị tướng tuồng và thời khoa-cử rồi đã xa mà thời khoa-cử mới vừa dựng vậy.

TIỀN ĐÀM

(1) Huật theo tập Lan tri kiến bản lục ở chỗ này. Vũ nguyên Hạnh, sách chép này trong nhà

Vì chạt chỗ đón coi số tới

1) Lu Phở Bàng Eui kỷ với
lịch thứ 100 học

phong văn của
PHẠM MẠNH PHAN

2) Văn chỉ tiền hôn bực
Thợ Xương

TIỀN-ĐÀM

3) Một bức danh hân đời
Nguyễn

KHÁI SĨNH

HAY ĐỌC

SỬ KÝ TU MÃ THÊN

(Một trong sáu bộ lịch của Tàu)

Một bộ cổ sử giá trị từ phát trước đến nay.

Sách dày trên 400 trang khổ rộng, in toàn trên giấy quý

(blanc art). Bìa tuyệt đẹp — số in có hạn

Giá 16 \$ 00

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

Đinh-nhật-Thân...

(Tiếp theo trang 13)

tiều sâu, cái sâu vạn-rồ đã tạo thành một nguồn thơ bất-diệt, khúc thu dạ lữ hoài ngâm.

Khiếp ca ai oán ấy, làm giữa vùng Pluh-sen, Hương-Huỷ, đã làm động lòng tấc áo đấng minh-quân. Ngại kén tài người thi-sĩ và cảm cho nhà kẻ h-hương nên tác-giả được tha về với cảnh thanh nhàn nơi đồng áng.

Qua vòng luy-tiết, họ Đinh sống lại cái đời ẩn dật của một bậc cao nhân, chỉ lấy chữ nhân làm quý, mặc sĩ tranh-gảnh danh thừa, lợi vật.

Ở nhà thì làm bạn với thánh-hiền và làm thầy cho lậu-tiến. Đến khi ra đòng thì nước biếc, non xanh, trắng thanh, gió mát là thú tiêu sâu; gỏ thuốc, bầu rượu, vui thơ, vui cùng tác nguyệt.

Đinh-nhật-thân mất ngày 18, tháng sáu, năm Đinh-dần (1868), niên hiệu Tự-đức năm thứ 19, thọ 52 tuổi.

Ông tiêu-biểu cho cái tính cương trực và phóng-túg của dân Nghệ-Tĩnh. Tuy là một nhà văn-hào hay ngâm-vịnh, nhưng không Lỗ lưu-thảo, Đinh-nhật-Trạo đã bắt bủ cùng áng vịnh *Thu dạ lữ hoài ngâm*.

Thu dạ lữ hoài ngâm đại-y như sau này:

Giá báo	
1 năm	20 \$ 00
6 tháng	11, 00
3 tháng	6, 00
Mỗi số	0, 50

Cái kiếp phú sinh như giấc mộng, được mấy gang tay! Cho nên cần phải bày trò vu-kẻ tổng phù thi-giờ. Gặp cảnh thu, trăng thanh, gió mát, nào ai biết cùng mình cùng hưởng cái thú đêm thu lặng-ẽ! Thôi thì một mình, mình vui-ích mình vẫn tịch ngâm vịnh, vậy thì ngâm thơ lẫn vui, rồi mượn ba chén rượu rửa sạch mối sầu ly-biệt. Trong phòng-văn, một ánh đèn đối ngọn đèn xanh, chạnh lòng đất khách, sự nhớ người xưa. Chợt nghe nê ngoài sông Hương, có tiếng mái chèo vỗ nước mà giữa khoảng đêm trăng, trời sương mù mịt, lòng những bồi-hồi, ta có cảm-tưởng là Trương-Kế (tên-là đời Đường) đêm thu dạo thuyền qua bến Cồ-to, gần chùa Hán-sou. Lại nhớ ngày nào trên khúc sông, nửa thơ Đỗ Phủ đời Đường, đứng trước cảnh thu, thấy thuyền ai chôi-nổi, lại thương cho cái thân bịnh-bồng của mình mà làm ra tám bài thu-hung, khiến người có từ lữ-du, cũng nặng lòng thương nước, nhớ nhà! Ta cũng một cảnh-ngộ, nên lòng buồn man-mãn. Mỗi ngày nào, vừa vui sum-họp mà nay cô-tịch thế này? Nay trăng thu, nay gió thu, nay thơ thu, nay rượu thu, nào ai cùng ta trông trăng, lắng gió, ngâm thơ, uống rượu bày giờ?

Ngồi đến cảnh ly biệt, hai hàng châu lệ-chã tuôn rơi! Đói trông mây trắng xa xa, chỉ biết cuối trời là chốn quê nhà qua bao từng núi trùng-trùng điệp-diệp.

Hết nghĩ ra thôi lại nghĩ gần. Tiệc rượu tan rồi, một mình ngồi dựa cầu-lon. Búng mắt dậy, cái đêm thê-lương vẫn hoàn thê-lương!

(Còn nữa)
NHẬT-NHAM

HỘI TRUYỀN BẢ QUỐC NGŨ NAM KỲ THÀNH LẬP

Tiếp theo Hội Nghị Giáo khoa toàn quốc, Hội Truyền-Bá Quốc-ngũ ở Nam Kỳ đã chính thức thành lập. Ủy-ban tổ chức (tức là ban Trị Sự tạm thời) gồm những vị sau này:

Ô. Michel VĂN VĨ (Chánh Hội), Ô. ĐOÀN QUANG TẤN (Phó Hội), cô NGUYỄN THỊ CHÁU (Thư ký), Bác sĩ NGUYỄN VĂN THỊNH (Hội-viên sáng lập), Bác sĩ TRẦN VĂN NGŨN và Bác sĩ TRẦN QUANG ĐỘ (Hội viên sáng lập).

Mục đích và chương trình của Hội đại khái cũng giống như của hai Hội ở Trung, Bắc-kỳ. Phòng giấy đặt ở góc đường Albert 1er và Marcel Richaud. Tin này đã được công chúng hoan nghênh nhiệt liệt.

Từ là sau sáu năm chờ đợi và cố võ, đồng bào các Tỉnh đã hưởng ứng công cuộc chống nạn thất học để sửa soạn tương lai nước nhà.

Tiện đây, chúng tôi xin nhắc lại rằng từ năm ngoái, ở rải rác mấy nơi trong Nam cũng đã có những lớp T. B. Q. N. tổ chức và giảng dạy theo quy củ của Hội ngoài Bắc.

NGUYỄN-VĂN-TỐ

Bá cáo

Chúng tôi được nghe nói nhiều chỗ đã diễn hoặc sắp diễn những vở kịch của « Viện Sách Quê Hương » mà không thấy hỏi gì đến tác giả.

Vậy xin nhắc để các bạn xa gần nhớ rằng không nên bỏ qua một lễ phải làm thường là bản-quyền của bất kỳ ai, về bất cứ một vở hĩa gì, cũng cần phải trọng.

PHAN KHAT KHOAN

Hộp thư

— 5. L. H. Tử - Lòng Hương — cảm ơn ông — Chúng tôi không nhận xuất bản thơ

Ty xuất bản

Những con giống...

(Tiếp theo trang 7)

(ngư-lam¹ Quan-âm. Còn Bao-công sai người vào trong hang núi, tìm Kim tiêu-thư đem về phủ-nha, thì đã gần chết, chỉ còn hơi nóng-nóng ở giữa bụng, mời thầy thuốc thăm mạch đều nói không việc gì, lấy hơi người thổi vào thì sống lại. Bao-công bảo thừa-tướng rằng: «Tiêu-thư với Lưu tử-tài không phải là không có túc-duyên. Ngày nay lão-phu đứng bấu-nhân (người mới), thành tựu việc hôn-nhân này». Bèn gọi Lưu-Chân, bảo lấy hơi thổi vào tiêu-thư, quả nhiên tiêu-thư sống lại: những người xung quanh đều bàn-tán là trái nhẽ, nhưng Bao-công cứ vui-vẻ, sai người đưa vào trong dinh thừa-tướng, tới ấy Lưu-Chân và tiêu-thư thành-thân. Năm sau Lưu-Chân đỗ hạng ưu, làm quan đến trung thư, sinh hai con đều ra làm quan cả.»

Xem như thế thì có lẽ đèn cá chép không phải đèn cá chép vàng, vì trong truyện chỉ nói đèn lồng, với treo đèn, chứ không nói rõ đèn cá chép; và chỉ nói tám tháng giêng, chứ không nói rằm tháng tám, nhưng cũng dịch đủ ở trên này, để độc-giả biết cái lối văn kỳ-án cũng như văn chí-dị, chỉ mua vui, không nên tịn quá.

Cũng y thế, có người nói đèn cá chép chính là theo đèn cá chép hóa rồng, cùng với sự-tích ông nghè tráng-tâm, và voi, ngựa, thềm-thứ, nguyệt-liễu, v. v.

Sự-tích cá hóa rồng, ở sách Tàu chép rằng «Hàn-nam bên Tàu có một chỗ gọi là Ngũ-môn, tức Vũ-môn, mỗi năm có một ngày cá về

đầy thì, lễ vượt qua được, thì hóa rồng», cho nên người Tàu thường có câu thơ mừng người thi đỗ rằng: «Vũ-môn tam cấp lẫm, bình địa nhất thanh lôi» nghĩa là «Ừa Vũ-môn ba đợt sóng, đất bằng nổi tiếng sấm vang» ý nói người học trò đi thi đỗ, cũng như cá chép vượt được Vũ-môn rồi hóa rồng. Ở nước ta về tỉnh Hà-lĩnh, huyện Hương-khê, núi khai-trường, cũng có chỗ gọi là Vũ-môn, nên có câu ca-dao: «mong lẫm cá đi ăn tằm, mong chín cá về, cá vượt Vũ-môn» và câu «Bao giờ cá chép hóa rồng, đến ora cha mẹ ăn hồng ngày xưa». Người đi thi đỗ, ví là cá chép hóa rồng. Thế thì cái đèn cá chép ta đang dùng về tết tháng tám, có lẽ là «cá chép hóa rồng», chứ không phải «cá chép vàng thành tinh».

Nhân nói chuyện cá hóa rồng, tôi nhắc qua câu *Thuyết-văn* nói «rồng đứng đầu loài có vây, có thể tối, có thể sáng, có thể nhỏ, có thể lớn, có thể ngắn, có thể dài, tiết xuân-phân thì bay lên trời, tiết thu phân thì ẩn ở vực sâu» (Long, lân-trùng cử trưởng, năng u năng minh, năng tố năng cự, năng đoản năng trường, xuân-phân nhi dăng thiên, thu phân nhi tiềm vực). *Thuyết-văn* giảng nghĩa như thế, có ý cho con rồng là một con quý báu, chỉ có thể tượng-tượng, chứ không thể hình-dung được. *Quảng-nhã* giải-thích rằng: «Rồng, có vây gọi là giao-long; có cánh gọi là ứng-long; có sừng gọi là cự-long; không sừng gọi là lý-long; chưa bay lên gọi là bản-long». Vậy thì rồng có nhiều tên lắm, người ta cho là không thể hình-dung được cũng phải: sách Tây-nôm đến nhiều lắm, như quyển *Geog-*

ler. *Le mythe du dragon en Chine*, trong *Revue archéologique*, năm 1917; bài De Cqra-Ré nusat, *Animaux fantastiques de l'Indochine, de l'Insulij de et de la Chine*, trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, năm 1936, v. v.

Riêng về con Giao-long (mà ta thường gọi là thuồng luồng, các sách tàu đều chép-con ấy sinh ra ở nước ta, sau có người Tây nói có trông thấy ở vùng Hạ-long Hoái Nam-tử (q. 1, tờ 8 a) chép rằng: «Dan ở phía nam núi Cửu-nghi (thuộc quận Thương-ngô) ít làm việc trên cạn mà thường làm nghề ở dưới nước, bấy giờ người dân cắt tóc vẽ mặt (vẽ thân) để hình tượng loài lân-trùng». Cao-dụ là «ác-giả Hoái-nam-tử chưa nghĩ rằng: «văn-thân nghĩa là khắc vào trong da người rồi bôi mực che ngấm vào trong, vẽ hình con giao long để lợi xuống nước, không bị giống giao-long làm hại, cho nên gọi là hình tượng giống lân-trùng».

Cùng đoạn sách ấy, *Hán-thư* (quyển 28 hạ, tờ 9 a) chép về dân nước Việt có câu «... vẽ mặt cắt tóc, để tránh cái nạn giao-long». Ứng-Thiệu chưa nghĩ rằng: «Thường ở dưới nước, cho nên phải cắt tóc, vẽ vào mặt hình rồng rắn (long tử) cho nên không bị giao-long làm hại».

Sách ta như *Khâm-dịnh Việt-sử*, *liên-biên* (q. 1, tờ 1b) cũng chép: «Lũ bấy giờ (ở đời Hồng-bạc, Lạc-vương thứ 3) nổi lên, dân ở đây lợi xuống nước, thường bị giống giao long làm hại. Lạc-vương dạy dân lấy mực vẽ giống thủy quái vào mặt, từ bấy giờ mới

Mông tám, tháng tám,

ngày chúa Nguyễn Phúc - Ánh khắc phục
Sài-gòn lần thứ tư

SỐ 2

LÊ-THỌ-XUÂN

Năm Tâu-sửu (1781). Ngài cũng ở yên tại Sài-gòn, nhưng có điều chẳng may là vào đêm 23 tháng ba. Ngài phải ra lệnh hạ sát một vị đại-công-thần là Ngô-vĩ-hữu Phụ-chánh. Thượng-tướng-công Đỗ-thanh-Nhân về tội lỗi chi-chi khó rõ.

Đến tháng năm, chúa Nguyễn-phúc-Ánh đem duyệt thủy bộ chư dinh thì thấy quân không dưới ba vạn, hải-đạo-thuyền được 80 chiếc đại-chiến-thuyền 3 chiếc và tây-dương-thuyền 2 chiếc.

Sang tháng ba năm Nhâm-dần (1782), vua Thái-dức của nhà Tây-sơn là Nguyễn-Nhac nghe Đỗ-thanh-Nhân đã chết, quân Đông-sơn làm phản, bèn cùng em là Nguyễn-Huệ đem hàng ngàn chiến-thuyền vào cửa Cần-giờ.

Chúa Nguyễn-phúc-Ánh vội sai Tổng-phước-Thiêm điều-bát thủy-quân đón đánh tại sông Ngã-bảy. Gặp thế Tây-sơn quá mạnh, Thiêm phải lui về Mạn-Hoè (Manuel) bị vây từ phía đến phải đốt lầu mà tự tử.

Nghe tin báo, chúa Nguyễn thân đốc binh thuyền tiếp ứng. Vừa tới Ngã-bảy thì gặp địch-quân. Ngài vừa đánh vừa lui về Bến-nghe. Nhưng quân của vua Thái-dức đuổi theo kịp. Ngài bèn chạy thẳng xuống Rạch-gấm (Mỹ-thọ) và đến ở tại giong Cai Lữ (tức Thuộc nhiều) vào lúc tháng tư. Bấy giờ từng-thần chỉ có

Nguyễn-huỳnh-Đức, Trần-xuân-Trạch, Nguyễn-kim-Phẩm, Dương-công-Trường, Thống-binh Hạp, Thống-hinh Kình, còn tàn-quân góp-nhóp được lối ba trăm.

Bỗng có Đô-đốc Nguyễn-Học của Tây-sơn kéo binh đến, Chúa Nguyễn và ba quân liền chốt đánh cản. May sao Kim-Phẩm chém được Nguyễn-Học và thân được đi thuyền trên ba mươi chiếc. Chúa Nguyễn thừa thắng đến Trấn-dịnh-dinh (chợ cũ Mỹ-thọ) rồi thẳng lên sông Ngã-tư tại Bình-dĩen. Chạy trốn.

Thị vị ảnh-hưởng đệ nhất của Tây-sơn là Long-trung tướng-quân Nguyễn-Huệ đã đến kia rồi. Không sao đương nổi, chúa Nguyễn-phúc-Ánh lui về Bến-lức. Vừa gặp Lưu thủ Thăng từ Vĩnh-trấn-dinh (tức Long-hồ, Vĩnh-long) đem chiến-thuyền đến. Ngài bèn thẳng vào Cần-thơ rồi qua Rạch-giá, đến Hà-liên và ra Phú-quốc.

Tráng năm, vua Thái-dức và Nguyễn-Huệ về Qui-nhơn, để Đỗ-nhân-Trập cùng ba ngàn quân trấn giữ Sài-gòn.

Qua tháng sáu, đầu này Hồ-vân-Lân chiêu-tập quân-sĩ đánh úp Long-hồ dinh, rồi cùng Dương-công-Trường hội binh và kéo đến đánh Bến-lức thân đốc chiến-thuyền Tây-sơn hơn mười chiếc; đầu kia Châu-văn-Tiếp từ Phú-yên-trương cõ Lương-sơn tá

quốc, kéo quân vào khắc-phục Sài-gòn, rồi sai người ra Phú-quốc báo tiếp và thỉnh chúa hồi loan.

Thế là đến đây, thành Sài-gòn ba lần mất đi rồi ba lần thu lại, hai bên ai dễ nhường ai.

Giờ đã hết năm Nhâm-dần và đã sang năm Quý-mão (1783). Được qua đầu tháng-bai, tại em của vua Thái-dức là Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Lữ kéo binh thuyền vào.

Chúa Nguyễn-phúc-Ánh đã nghe tin từ trước. Ngài sai bọn Châu-văn-Tiếp, Tôn-thất-Mân, Dương-công-Trường, Tiên-phong Túc... ngăn sông cự chiến. Ngài lại sai Giám-quân Tô giữ việc liệu cơ phóng hỏa đốt thuyền Tây-sơn.

Ngày 24, khi hai bên giáp nhau, Tiên-phong Túc giả thua lui lại. Thấy địch-quân sâu vào trận-thế, Giám-quân Tô truyền lệnh bắn mỗi phóng hỏa. Gặp lờ nước lớn lại gặp gió chướng thổi giã, lửa trở ngọn cháy lại thuyền bè của Tiếp. Vì thế, Tôn-thất-Mân bị chết đuối, Dương-công-Trường bị sanh-cầm, Châu-văn-Tiếp phải bỏ chạy, chúa Nguyễn-phúc-Ánh phải tuốt xuống Ba-giồng, từng-thần vốn-vẹn năm sáu người với chúng đến một trăm tàn-tối.

Trận này gây trận khác, con nhà chiến-sĩ sao được thối chí nản lòng. Bước qua tháng tư, sau khi qui tập tướng-sĩ, chúa Nguyễn cho Nguyễn-kim-Phẩm đi tiêc-phong, Nguyễn-huỳnh-Đức làm hậu-ứng, chúa tôi đồng kéo đến Đồng-Tuyên về vùng Chợ Đệm. Nguyễn-Huệ nghe báo liền đem bộ-binh chặn đánh. Lại thua to một trận nữa nhìn thấy chư tướng bị bắt và bị giết rất nhiều, chúa Nguyễn bỏ thuyền chạy bộ. Nhưng ngài gặp

cấp: phía sau thì quân Tây-sơn 6 dãy, phía trước là một dãy trường-giang. Mà phải là sông nhỏ đầu. Nó là sông Bến-lực (chữ Hán gọi Thuận-an-giang, tiếng Pháp gọi Vaico Oriental, tức là Vàm-cỏ đông), rộng chừng ba trăm và mấy bước. Phải làm sao một khi chẳng có ghe thuyền đầu đó? Ngải chỉ còn một nước: Xúm!... Ngải nhảy xuống và lội ngang được.

Lại băng bộ chạy nữa. Một dãy trường-giang khác lại hiện ra. Nó là Vàm-cỏ tây (Vaico occidental), cũng gọi là sông Vũng-gù hay Hách-bà-giang. Nó chẳng những cũng rộng lớn như Vàm-cỏ đông mà khúc này lại có nhiều sấu nữa.

Làm sao đấm lội qua: May có con trâu nằm ở mé bãi. Ngải thót lên lưng, đánh chèo long qua phía Hách-chanh. Khi ngải thẳng xuống Mỹ-tho, nước Quốc-mẫu và cung quyền ngồi thuyền chạy ra Phú-quốc.

Kể ở Hà-tiên có bọn ti-tướng của Trần-Đĩnh làm phản. Ngải vào đánh dẹp rồi lại trở ra Phú-quốc và ở tại mũi Đá-chông.

Tháng sáu, tướng Tây-sơn là Thống-suất Phan-Ấn-Thận đem binh-thuyền đánh Phú-quốc. Thế rất rấp-bách, Cai-đờ Lê-phước-Điền bèn rước lấy ngựa-phục mặc vào và đứng trước mũi thuyền. Quân Tây-sơn đánh nhau ủa ủa bắt. Nhờ vậy, chúa Nguyễn-phước-Ánh thoát nạn, chạy lướt đến đảo Côn-lôn.

Tháng bảy nghe quân trình thám báo, Nguyễn Huệ sai Lê-mã Trương-yên Đa-tận suất thủy binh vây đánh. Trong khi nguy-hiểm ấy, bỗng có gió to sóng lớn, thuyền Đa-tận ngoài bị chìm rất

nhều. Như thế thuyền chúa Nguyễn thoát ra được và chạy một mạch đến hòn Cỏ-cốt (Koh kut). Thám báo Thống-suất Thận đã đi rồi, chúa Nguyễn mới lần về Phú-quốc và cùng Bá-đạo-Lỗ bàn việc cầu cứu với Pháp-định.

Kể đó, muốn biết thực lực của Tây-sơn, Ngải lần đến Fo-lời (Giao-thành Bến-lực), rồi ra Ma-ly (sông Phan, Bình-thuận) mà thám dò quân tình. Phải rút có hơn hai mươi thuyền Tây-sơn đã xô ra đánh. Thuyền Ngải bị thương cả hai buồng chèo thoát về Phú-quốc.

Tháng tám, Ngải đến Cà mau. Tướng Tây-sơn là Lưu-lữ Nguyễn-Hóa nghe báo, đem hơn năm mươi chiến-thuyền ám phục tại cửa sông Ông-Đốc. Ngải biết được, vội vã dạy nỗ lực chèo thuyền ra biển — chẳng là do cửa Cái-Lầu — thẳng đến Hòn-chông rồi ra hòn Thỏ-châu nằm-nương chờ vạ. Sử ta chép là Ngải ghé Hòn-Chông nhưng rõ là Ngải ghé Hạng-Tiền vì nghe sự khầu truyền, ta biết vậy ông Madrolle thuật rõ vậy trong quyển « Indochine du Sud » (trương 54 về Nam-lý) và nếu ta có đến Hạng-Tiền ở giữa cỏ non xanh nước đẹp, ở giữa chỗ mà người Pháp đã gọi là vịnh Hạ-long thứ nhì thì ta thấy trong hang còn có chỗ gọi là long sàng, còn có cỏ gọi cầm-đến để nhả răng Hạng-Tiền đã được hân hạnh đón rước và Gá-long trong lòng. Ngải đương hôn há

Năm Quý-mão (1783) là một năm rất vẻ vủa chúa Nguyễn phiêu lưu. Anh. Khu li l bay mãi ngoài khơi đến hết nước uổ g khi thì

đi ngày chẳng có cơm ăn: làm lúc Ngải thân ra cầu cứu là lòng-thần nghĩ sức, hằng bữa Ngải ăn cơm với tôm khô và bảy vị trộn tiêu, gừng ớt, tỏi... N ai thường ba món rau lạ độ cho từng lần và nói « Chúng ta nên ăn đồ này để trừ sơn lâm chướng khí, và cũng để tỏ vàng, ta cùng chu khánh vẫn đồng lòng khổ ».

Tháng hai năm Giáp-thìn (1784) Ngải ở Thỏ-châu vào Cà mau để gặp tướng Xâm Ất sau khi thất trận ở sông Bến-lực. Lưu-lữ tiếp chạy thẳng qua Xâm cẩu cư. Vua Xiêm sai Đột-xi Đa đem thủy quân qua mời Ngải sang Vọng cá.

Tháng ba, Ngải tới Xiêm đó, lòng-thần chỉ ba mươi. từng-quân còn ít hơn nữa.

Ngày mùng chín tháng sáu Ngải về nước, vua Xiêm sai hai châu là Chư-Áng, Chư-Sương đem hai chục ngàn thủy binh và ba trăm chiến thuyền theo giúp.

Tháng bảy, Ngải thấu phục được Hách-giá, đánh bại Đồ-dốc Nguyễn Hóa ở Cà-luơ rồi thẳng về Ba-thắc (Đạt-nghé) Trà-ôn Mán-thít và Su-đéc.

Đêm 18 tháng mười, Châu-văn-Tiếp giao-chiến với Tây-sơn tại Mán-thít. Hai bên đánh nhau rất lâu; Tếp lạng lết, nhảy qua thuyền Tây-sơn, bị địch quả đâm trúng. Chúa Nguyễn-phước-Ánh xua quân ra lời thêm được Chưởng-tiền Bảo và cứu được Tiếp. Nhưng vì vết thương quá nặng Tếp lạng to một tiếng rồi từ gã cổ trần.

Tháng 11 chúa Nguyễn thân lại được hai đồn Ba-rái và Trà-lân (Mỹ-tho), nhưng cũng phải hao tổn một viên đại tướng là Châu-văn-Lượng.

Từ tháng tám năm trước, Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Lữ đã về Quê-nhơn, để Trương-rất-Đa cứ thủ Gia-định. Thấy thế quân Xiêm quá mạnh, đã chạy về trào cáo cấp. Vua Thái-dức sai Nguyễn-Huệ vào tiếp ứng.

Bấy giờ, quân Xiêm đương bành bành ở vùng Mỹ-tha: nào là bắt hiếp phụ-nữ, nào là cướp gặt của tiều, tiếng ta oán đã đưa tới chín từng mây lộng!

Nguyễn Huệ vào tới, phục binh ở Rách-gầm và Xoa-mút, rồi ra quân nhiều chiến. Chiêu-Táng và Chiêu-Sương ý muốn xua quân đánh càn, bị phục binh đề ra vây bọc ba mặt sông. Tướng-sĩ Tiêm-la chỉ còn nước bỏ thuyền nhảy lên bờ mà chạy. Mà có kiêu đâu! Một đạo phục binh của Tây-sơn đã chờ sẵn ở Ba trăm chiến-thuyền đều mất cả hai vạn quân chỉ còn thoát được có vài ngàn theo nữ tướng đập đường Chen-lạp chạy về nước.

Bọn Lê-văn Duan cũng bị Huệ đánh rã-rời tan tã. Còn Nguyễn-phúc-Ánh quay thuyền chạy thẳng vào Cần-thơ nhằm ngày 18 tháng chạp, rồi ra Hồ-châu một lần nữa, có thiết gì rượu tết với hoa xuân.

Tháng hai năm Ất-ý (1785), binh tướng Tây-sơn ra đánh Thổ-châu. Vua Nguyễn-phúc-Ánh chạy lên Cổ-cốt, rồi sang tư, Ngài tới Xiêm-đó với năm chiến thuyền chở 29 từng-thần và hai trăm sĩ-tốt.

Từ đây, Ngài ở yên tại vọng-sác tới mùa thu năm Đinh-vi (1787).

Thất trận Rách-gầm, quân Xiêm miệng tuy nói lớn lối, nhưng bụng

sợ Tây-sơn hơn cộp còn tâm-chí nào dám cựa quậy với Bắc-bình-vương. Vàng, lúc bấy giờ Nguyễn-Huệ đã tự xưng là Bắc-bình-vương, sau khi một trận lấy thành Phú-xuân rồi ra Bắc đặt luôn họ Trịnh.

Biết rõ là không thể nòng nhờ họ được, ngày mồng một tháng bảy năm Đinh-vi, hơn lúc nửa đêm, chúa Nguyễn-phúc-Ánh đề thơ từ tạ rồi xuống thuyền về thẳng Cà-mau.

Tháng tám, Ngài đánh lấy được Trà-ôn (Cần-thơ) và Bà-rái (Mỹ-tho).

Tháng chín, Ngài từ cửa Cần-giờ lên đánh Sài-gòn. Bị thua Phạm-văn-Tham, Ngài do đường Bà-vát lui về củ-lão Giung. (Củ-lão này ở tại cửa Hậu-giang (Bassac), vì trước có nhiều cộp nên sách ta thường chép là Hồ-châu).

Tại đây, coi lại tướng-sĩ chỉ còn độ ba trăm người, chiến-thuyền chỉ còn hai mươi chiếc, Ngài dạy Nguyễn-văn Duồn chiêu-tập dân Cao-miên ở hai xứ Trà-vinh và Mân-thít hơn ngàn người, lập thành đội binh gọi Xiêm-binh-đồn và cho Duồn quản lãnh. (Duồn là người Cao-miên, chúa Nguyễn-phúc-Ánh cho theo họ Nguyễn; về sau vua Minh-mạng dạy bớt «chăm thủy» thành Nguyễn-văn-Tồn (ta quen gọi là ông Điều-bát ở Trà-ôn).

Tháng mười, Ngài đến sông Mỹ-lông (nay là rạch Bến-tré), rồi bị thua tại đây. Ngài chạy xuống vùng Bải-ngao (Ngao-châu) tức là vùng Ba-tri ngày nay. Lần thua chạy này, Ngài được thêm một người tôi hiền là Trương-lân-Bửu, sau làm đến chức

Trưởng-quân kiêm Thủ-quân, Phó-tướng, và các Lông-văn-hầu thống lãnh chức Gia-định-thành Phó-Tổng-trấn mà hiện nay ở Phú-nội-an (Sài-gòn) có thơ và miếu thờ.

Bấy giờ, Ngài sai Nguyễn đức-Xuyên qua Gò-công dụ hàng Võ-Tánh, rồi thẳng lên đóng đại-bán-đình tại Hồi-oa, tức là Ngã-ba Nước-Xoáy về tỉnh Sa-đéc.

Tháng tư năm Mậu-thân (1788), Ngài khởi binh đánh Bát-tiền (sách «Thực-lục» chưa là thuộc Vĩnh-lông tỉnh, có lẽ nó là cửa-lạc Bát-lân mà cũng gọi là Bải-tiền, ở ngang tỉnh-lỵ ngày nay), rồi tháng bảy đánh lấy Ba-giống và mồng, tám tháng tám, khắc phục Sài-gòn lần thứ tư.

Lần này Ngài mau được thành công như thế là vì Bắc-bình-vương Nguyễn-Huệ mãi bận việc ở Bắc-hà trong Nam chỉ để Thái-bảo Phạm-văn-Tham trấn thủ, lại thêm Ngài mới được cả vạn-quân của Kiên-hòa Đạo, chỉ huy bởi Võ-Tạ-th, một người trong «Gia-định tam hùng», một vị, cộp nhứt luân-thần có cái chết anh-hùng khiến cho ta ngày-nay hãy còn cảm-khải mỗi khi đọc hai câu thơ: Lãnh-khỏi dạ nhiệt, anh-hùng huyết.

Từ-thần, năng sanh chiến-sĩ can.

Cửa Tịnh-viễn-Hầu Ngó-nhân Tịnh, hay ngấm-ngùi mỗi khi nghe tiếng ai ngâm:

«Trông lên hòn Tháp Cánh-Tiên;

«Cầm vững vàng quân Hậu-thần
thường ba hũnh!»

LÊ-THỌ-XUÂN

Rất trong thất bát (sách «Thực-lục»)

ĐA CỐ BẢN

THƠ MÂY NGÀN

Bìa 2 màu, bìa 3 màu do họa-sĩ Mạnh Quỳnh trình bày, in toàn giấy đặc-biệt, số sách vừa đủ để hiến các nhà sành thơ

Bản giấy nghệ thuật Giá 7 \$ 00

Bản giấy sếp trắng — 15 \$ 00
(còn 5 bản)

QUỐC HỌC

THƯ - XA PHÁT - HÀNH

Đang in

KHÔNG TỬ HỌC-THUYẾT II

(500 trang, 20.000 chữ Hán)

TRIẾT HỌC TẬP BÚT

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mới xuất bản hai cuốn :

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm Xuân-Bồ phỏng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ lạ và lý-thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SỨC TRANH CÔNG

bản dịch Phá-vân của Hoàng hữu-Xứng và A. de R.

Bình-phẩm cuốn này, G. Gadière đã nói : « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục sức tranh công còn tự-nhiên, phổ-thông và có vẽ « an-nam » nhiều hơn lắm... » dày 150 trang, khổ 17x23, bìa vẽ mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh.

mỗi cuốn bản Hardcover 4\$00 cước 0\$59

bản giấy Đại la 12\$00 cước 1\$00

Tổng phát hành

MAILINH

21, Rue des Pipes — Hanoi

TU SÁCH NGÀY MỚI

Đã phát hành:

VĂN-CHƯƠNG VÀ XÃ-HỘI

của Lương-dức Thiệp Giá : 2\$50

Nghiên cứu về nguồn gốc văn học và nghệ-thuật — tình cách dâng cấp trong văn-học Việt-Nam — xu hướng xã-hội trong văn-học Việt-Nam hiện đại.

ĐANG IN :

KHÔNG GIẢO VỚI ÔNG ĐÀO DUY ANH

nghiên-cứu của Nguyễn ngọc Diễm

VIẾT VÀ SỐNG

của Nguyễn xuân Hạp

CON MỘT II :

MỆ TÔI gia đình tiền thuyết

của Nguyễn khắc Mẫn Giá : 3\$80

VĂN HỌC VÀ TRIẾT LUẬN

của bà Mộng Sơn Giá : 2\$50

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi

Giám Đốc : LÊ MỘNG CẦU

ĐA XUẤT BẢN ĐỦ BỘ

CHỮ NHỎ
HỌC LẤY

Cử-nhân Dương Bá Trạc soạn

Tác giả, bình sinh sở đắc về chữ nhỏ, lại san bao nhiêu năm xem sách nghiên ngẫm và dạy học, đã tìm ra được cái mẹo mẹo, cái quy thức nhất định về sự học chữ nhỏ, nay gom góp đủ vào bộ sách này, cốt cống hiến những bạn muốn học chữ nhỏ có được cái lợi khi hoàn toàn dễ học lấy một mình được

Toàn bộ 2 quyển — giá 4 \$ 00 cước 0 \$ 45

(không gửi lịnh hóa giao ngân) để cho :

hiệu sách Đông Tây, 195,

phố hàng Bông — HANOI

Mua luôn, trừ 20.% — cước phí về phần nhà xuất bản chia

Đã có bán :

Câu chuyện văn học

của Thiệu-Sơn Giá : 4\$00

Văn-học là tinh-hoa của đất nước, của nhân-loại. Không có văn-học, đời ta sẽ nhạt-nẽo, tầm thường, buồn-tẻ, phẳng lảng. Văn-học đem đến cho ta những tư-lưỡng cao-siêu, những tình-cảm thanh-quý. — Cuốn Câu chuyện văn-học gồm có những câu chuyện văn chương mà ông Thiệu-Sơn đã sưu-tập dài vô-tuyến-điện Saigon, đã được ở Chính-Phủ Đông-Dương công-nhận là tuyệt-vác, mà cả dân-chúng Đông-Dương cũng đã từng nghe thấy.

CHUYỆN KHOA-HỌC

Số 1 và số 2 của Hoàng-Lân

Tức Hoa-Mai số 42 và 43 mỗi cuốn giá 0\$50

NHA XUẤT-BẢN CỘNG-LỰC

N° 9 Rue Takou — Hanoi



TỦ SÁCH

« TÂN-VĂN-HÓA »

25 - 9 - 1944

sẽ phát hành

HỌC THUYẾT KINH-TẾ

TIỂU DÀN

của Nguyễn-hải Âu

Giá 4\$00

CÁC BẠN NGÀY 10-10-1944
ĐÓN ĐỌC SỐ ĐẦU của

VĂN MỚI

tạp chí nghị luận

CHIẾN ĐAU CHO SỰ ĐẮC THẮNG CỦA
TƯ TRAO TÂN-VĂN-HÓA

Hàn thuyên phát hành 71 Tiên-tsin Hanoi

do QUANG VẠN THÀNH phát hành

Sách vở

đã có bán

LÒNG VÀNG

Ed de Amicla soạn. Hội H. dịch một quyển giáo khoa, đào luyện trí-khí trẻ em.
« Tôi thấy rằng quyển sách quý này có một cái sức cảm hóa to lớn... »

Trích lời của ông Hoàng Đạo Thúy
(Thanh-nghị số 76 ngày 29-7-1944)

Giá 4\$00 cước 0\$80

ĐỜI ĐOÀN THÈ

đang in

Hải Tùng soạn

một thiên « Thời bệnh luận » rất đáng nên đọc.
«...chủ đích là muốn đề-xướng một văn-đề mà người Việt-Nam ta cần giải quyết ngay để sinh tồn trong buổi canh-trạch này... »

Giá 2\$00 cước 0\$80 trích lời nói đầu của Tác-giả.

Vì ai muốn biết nội-dung sách, hay hỏi giá hàng, xin cho biết địa-chỉ và 0.10 tem về

QUANG VẠN THÀNH « Nội-Hoá » — mở năm bính dần 1926

Phố Lê Lợi số 16 Hanoi

Phố Doumer — 51 Hai-phong

Phố Yên-lưu Kinh môn Haiduong

đã có

Hàng hóa

ÁO ĐI MƯA ÍCH LẠN

Bằng lụa ta, sơn tã mười mấy năm kinh-nghiệm,
nhiều chứng-thư ngợi khen.

Rất nhẹ, rất bền, rất đẹp.

mới chế

VẢI ĐAY SƠN

màu giả da (simili-calir)

dùng để may áo mặc rất làm vui xe áo tới cánh gà xe, và bọc đệm ghế rất đẹp bền

KHÂM TRUYỀN THẦN

Giống như hạt, đẹp tuyệt trần thật là một công-nghệ đạo-diệt của ta không nước nào sánh-kịp.